

Bản án số: 37/2023/HSST

Ngày: 18-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Quân.

Các Hội thẩm: Bà Nguyễn Thị Hương và ông Nguyễn Duy Tính

Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2023/HSST ngày 16 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Trọng D**, sinh ngày: 16/8/1998; Giới tính: Nam, Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn Tăng My, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Phạm Trọng Tiến (Đã chết); Mẹ đẻ: Lê Thị Nụ; SN:1967; Anh chị em: Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chưa có; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2022. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu Châu Phong, phường G C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Ngô Văn H, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn Ngõ Đình 5, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1999;

Địa chỉ: 251/12 Lê Quang Định, phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(chị T, anh H, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đ-ợc tóm tắt nh- sau: Phạm Trọng D – sinh năm 1998, trú tại: Thôn Tăng My, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có quan hệ tình cảm với chị Trần Thị T, sinh năm 1991, trú tại: xã Minh Đài, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Dương và chị T cùng chung sống ở phòng trọ tại khu Châu Phong, phường G C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trong thời gian chung sống, chị T cho Dương sử dụng “Face ID” (Tính năng nhận diện khuôn mặt) của Dương để mở khóa màn hình điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax của chị T. Cũng trong thời gian này, chị T cho Dương biết mật khẩu đăng nhập ứng dụng ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) của chị T là “Thanh 2408” và có vài lần chị T cho Dương sử dụng tài khoản của chị T để chuyển tiền. Do biết trong tài khoản của chị T có nhiều tiền nên Dương đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị T. Lợi dụng lúc chị T ngủ say, khoảng 1 giờ 42 phút ngày 15/01/2022, Dương lấy điện thoại của chị T rồi dùng “Face ID” của mình để mở khóa màn hình điện thoại. Sau đó, Dương đăng nhập ứng dụng ngân hàng “Vietinbank” bằng mật khẩu “Thanh 2408” mục đích để trộm cắp số tiền 200.000.000 đồng trong tài khoản của chị T. Do tài khoản của chị T mỗi lần chỉ chuyển khoản được tối đa 100.000.000 đồng nên Dương chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 100.000.000 đồng từ tài khoản 103869492921 của chị T sang tài khoản ngân hàng Vietinbank số 109869241825 của Dương. Sau đó, Dương xóa các tin nhắn của Ngân hàng Vietinbank thông báo về điện thoại của chị T để tránh bị chị T phát hiện và để điện thoại của chị T về vị trí cũ. Sau đó, Dương sử dụng điện thoại nhãn hiệu iphone 11 promax của Dương để đăng nhập ứng dụng Vietinbank và chuyển khoản số tiền trên thành 02 lần, mỗi lần 100.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank sang số tài khoản 19035886459016 của Dương mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) để tránh bị chị T phát hiện và các giao dịch từ ngân hàng này đều được miễn phí. Sau khi trộm cắp được 200.000.000 đồng của chị T, Dương chuyển trả nợ cho anh Ngô Văn H, sinh năm 1994, trú tại: Thôn Ngõ Đình 5, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội số tiền 10.000.000 đồng; chuyển 117.480.000 đồng đến số tài khoản 100070008 của anh Trần Văn H – sinh năm 1999, trú tại: 251/12 Lê Quang Định, phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để mua 5000 USDT (tiền đô la điện tử) (số USDT này sau khi đầu tư, Dương đã bị thua lỗ, thông tin tài khoản giao dịch Dương xóa bỏ đến nay không khôi phục được). Số tiền 72.520.000 đồng còn lại Dương chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 19/01/2022, chị T phát hiện bị Dương trộm cắp mất số tiền 200.000.000 đồng. Chị T đã nhiều lần yêu cầu Dương hoàn trả lại số tiền này

nhưng Dương không trả được, Dương bỏ về Hà Nội và cắt đứt liên lạc với chị T. Đến ngày 14/11/2022, chị T trình báo nội dung sự việc đến Công an thành phố Việt Trì. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Việt Trì đã triệu tập Phạm Trọng D đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Dương khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKS-VT ngày 15/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Phạm Trọng D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Trọng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 170, 357, 468 BLDS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị:

1. Về Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phạm Trọng D từ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/11/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Trọng D phải bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 200.000.000^d (Hai trăm triệu đồng);

3. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 11 promax màu xanh, dung lượng 64gb, số imei 353888107399645;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0369267353 là của Dương sử dụng để nhận và chuyển số tiền Dương trộm cắp được của chị T.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Trọng D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về án phí Dân sự trong vụ án Hình sự: Buộc bị cáo Phạm Trọng D phải chịu 10.000.000 đồng.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Việt Trì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho các bị cáo, người bị hại đúng thời hạn do pháp luật quy định. Các bị cáo, người bị hại không có ý

kiến hoặc khiếu nại gì. Bị hại chị Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị các bị cáo bồi thường số tiền 200.000.000^d; xét thấy sự vắng mặt của chị T là hợp lệ và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hồi 01 giờ 42 phút ngày 15/01/2022, tại nhà trọ của chị Trần Thị T thuộc khu Châu Phong, phường G C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Phạm Trọng D có hành vi trộm cắp số tiền 200.000.000 đồng của chị T. Số tiền này, Dương đã trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của Phạm Trọng D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.”

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức được nhà nước bảo vệ. Bản thân Phạm Trọng D có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật do mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần xét xử các bị cáo nghiêm minh, quyết định hình phạt tương xứng để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Ngô Văn H: anh H là bạn quen biết với Dương. Ngày 15/01/2022, Dương chuyển trả nợ cho anh H số tiền 10.000.000 đồng do Dương vay của anh H vào ngày 10/01/2022. Khi nhận tiền, anh H không biết số tiền trên do Dương phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Trần Văn H: Khi Dương chuyển khoản cho anh H để mua 5000 USDT với giá 117.480.000 đồng, anh H không biết số tiền này do Dương phạm tội mà có. Giao dịch mua bán tiền ảo USDT giữa anh H và Dương hiện nay pháp luật chưa cấm trao đổi, mua bán. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đến 50 triệu đồng nhưng qua xác minh và lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay xác nhận bị cáo không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu của người bị hại Chị Trần Thị T đề nghị Tòa án buộc bị cáo Phạm Trọng D phải bồi thường cho chị số tiền đã chiếm đoạt chưa thu hồi được là 200.000.000^d (Hai trăm triệu đồng) xét thấy là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Đối với chiếc điện thoại Dương dùng vào việc phạm tội, liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 170, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Trọng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Phạm Trọng D 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Trọng D phải bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 200.000.000^d (Hai trăm triệu đồng); Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bị hại là chị Trần Thị T có đơn đề nghị thi hành án nếu bị cáo Dương không thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 11 promax, màu xanh, dung lượng 64gb, số máy MWH22LL/A, số imei 353888107399645;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 sim Viettel số 0369267353 đã qua sử dụng;

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng, ngày 15/3/2023 giữa cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Trọng D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về án phí Dân sự trong vụ án Hình sự: Buộc bị cáo Phạm Trọng D phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND thành phố Việt Trì;
- Công an thành phố Việt Trì;
- THA DS thành phố Việt Trì;
- Trại tạm giam công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Quân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Quân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND thành phố Việt Trì;
- Công an thành phố Việt Trì;
- THA DS thành phố Việt Trì;
- UBND P.Thọ Sơn, Tp.Việt Trì;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QL&NVLQ;
- UBND phường Thọ Sơn, Tp.Việt Trì;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đặng Xuân Quân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 98/2019/TB -TA

Việt Trì ngày 15 tháng 7 năm 2019

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ XÉT XỬ HÌNH SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Căn cứ vào bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2019/ HSST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.

Thông báo cho UBND phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ biết kết quả xét xử vụ án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Duy Chính**, sinh năm 1981, tại Hưng Hà, Thái Bình;

Nơi cư trú: Tổ 14B, phố Hai Bà Trưng, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Duy Chính phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Phạm Duy Chính 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 06 ngày (từ ngày 04/4/2019 đến ngày 10/4/2019) được quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo có hộ khẩu thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo đi khỏi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 75 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phạm Duy Chính.

2. Về xử lý vật chứng:

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Việt Trì đã trả lại cho chị Phạm Thị Tin số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn) (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2019) và 01 chứng minh nhân dân số 131478439 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29/12/2017 mang tên Phạm Duy Chinh (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/5/2019).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Duy Chinh phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:

- UBND phường Thọ Sơn
- L- u hồ sơ vụ án.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
THẨM PHÁN**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Quân

